

# MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>3</b>	
<b>CHƯƠNG I</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>3</b>
Điều 1.	Định nghĩa.....	3
<b>CHƯƠNG II</b>	<b>QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM</b> .....	<b>4</b>
Điều 2.	Quan hệ giữa Công ty với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt nam.....	4
<b>CHƯƠNG III</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>4</b>
Điều 3.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	4
<b>CHƯƠNG IV</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>5</b>
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	5
Điều 5.	Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
<b>CHƯƠNG V</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU</b> .....	<b>8</b>
Điều 6.	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu.....	8
Điều 7.	Chứng chỉ cổ phiếu .....	9
Điều 8:	Chứng chỉ chứng khoán khác .....	10
Điều 9.	Chào bán và chuyển nhượng cổ phần .....	10
Điều 10.	Thu hồi cổ phần. ....	11
<b>CHƯƠNG VI</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>11</b>
Điều 11.	Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	12
<b>CHƯƠNG VII</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>12</b>
Điều 12.	Quyền hạn của cổ đông Công ty .....	12
Điều 13.	Nghĩa vụ của các cổ đông .....	13
Điều 14.	Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15.	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16.	Các đại diện được uỷ quyền.....	16
Điều 17.	Thay đổi các quyền .....	17
Điều 18.	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo .....	17
Điều 19.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 20.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 21.	Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 22.	Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản.....	22
Điều 23.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	24
<b>CHƯƠNG VIII</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>24</b>
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ thành viên HĐQT .....	24
Điều 26.	Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.....	26
Điều 27.	Chủ tịch và thành viên HĐQT .....	28
Điều 28.	Các cuộc họp của HĐQT .....	29
<b>CHƯƠNG IX</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b> ....	<b>32</b>
Điều 29.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 30.	Cán bộ quản lý .....	32

Điều 31.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	32
Điều 32.	Thư ký Công ty .....	34
<b>CHƯƠNG X</b>	<b>NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ .....</b>	<b>34</b>
Điều 33.	Trách nhiệm căn trọng của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý .....	34
Điều 34.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	34
Điều 35.	Trách nhiệm và bồi thường.....	35
<b>CHƯƠNG XI</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>36</b>
Điều 36.	Thành viên Ban kiểm soát .....	36
Điều 37.	Ban Kiểm soát.....	36
<b>CHƯƠNG XII</b>	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
Điều 38.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
<b>CHƯƠNG XIII</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TẠI CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 39.	Công nhân viên và các tổ chức đoàn thể tại Công ty.....	40
<b>CHƯƠNG XIV</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>	<b>40</b>
Điều 40.	Cổ tức.....	40
Điều 41.	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	39
<b>CHƯƠNG XV</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>	<b>41</b>
Điều 42.	Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 43.	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ.....	41
Điều 44.	Năm tài chính.....	42
Điều 45.	Hệ thống Kế toán .....	42
<b>CHƯƠNG XVI</b>	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....</b>	<b>42</b>
Điều 46.	Báo cáo hàng năm, sáu tháng, hàng quý.....	42
Điều 47.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....	43
<b>CHƯƠNG XVII</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>43</b>
Điều 48.	Kiểm toán.....	43
<b>CHƯƠNG XVIII</b>	<b>CON DẤU .....</b>	<b>44</b>
Điều 49.	Con dấu .....	44
<b>CHƯƠNG XIX</b>	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>44</b>
Điều 50.	Chấm dứt hoạt động.....	44
Điều 51.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông .....	44
Điều 52.	Gia hạn hoạt động .....	45
Điều 53.	Thanh lý .....	41
<b>CHƯƠNG XX</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>42</b>
Điều 54.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
<b>CHƯƠNG XXI</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>46</b>
Điều 55.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	46
<b>CHƯƠNG XXII</b>	<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>46</b>
Điều 56.	Điều kiện chính thức hoạt động của Công ty.....	46
Điều 57.	Ngày hiệu lực .....	46
Điều 58.	Chữ ký thông qua của Điều lệ.....	47

-----❦❦❦❦-----

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 là cơ sở pháp lý và là những quy tắc, quy định để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Điều lệ này được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập được tổ chức vào ngày 27/12/2006, được Đại hội cổ đông hợp nhất Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thống nhất thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2010 và được sửa đổi, bổ sung thông qua các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường và gần nhất là Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23/4/2015 có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

## CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :
  - 1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1.
  - 1.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015”.
  - 1.3. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
  - 1.4. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được nêu ra tại Đại hội đồng cổ đông.
  - 1.5. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên.
  - 1.6. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ ngoài Việt Nam.
  - 1.7. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
  - 1.8. "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 - Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
  - 1.9. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
  - 1.10. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân và / hoặc tổ chức.
5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.
6. Các từ viết tắt trong Điều lệ :

- 6.1. ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- 6.2. HĐQT Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- 6.3. TGD Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- 6.4. PTGD Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- 6.5. Công ty Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

## **CHƯƠNG II**

### **QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM**

#### **Điều 2. Quan hệ giữa Công ty với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt nam**

- 1. Mục đích kinh doanh của Công ty phải phù hợp với mục đích kinh doanh của Tổng công ty.
- 2. Công ty có trách nhiệm cùng với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (Công ty mẹ) thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế được Nhà nước giao.
- 3. Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam thông qua Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

- 1. Tên Công ty
  - Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
  - Tên giao dịch tiếng Anh: HATIEN 1 CEMENT JOINT STOCK COMPANY
  - Tên viết tắt: HATIEN1 Co.
  - Chữ viết tắt: HT1
- 2. Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyên doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và phù hợp với pháp luật Việt Nam.
- 3. Trụ sở chính của Công ty
  - Địa chỉ : 360 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  - Điện thoại: (84 8) 38 368 363 – 38 367 195.
  - Fax: (84 8) 38 361 278.
  - E-mail: hatien1@hatien1.com.vn
  - Website: www.hatien1.com.vn
- 4. Trụ sở các chi nhánh trực thuộc :
  - 4.1. Nhà máy xi măng Bình Phước: tại xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- 4.2. Nhà máy xi măng Kiên Lương: tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- 4.3. Trạm nghiền Thủ Đức: tại Km 8 đường Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TPHCM.
- 4.4. Trạm nghiền Phú Hữu: tại Tổ 8, khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, TPHCM.
- 4.5. Trạm nghiền Long An: tại Khu công nghiệp Long Định, ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An.
- 4.6. Trạm nghiền Cam Ranh: tại xã Cam Thịnh Đông, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- 4.7. Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT1: tại số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TPHCM.
- 4.8. Các chi nhánh khác.
5. Việc thay đổi trụ sở chính và trụ sở các chi nhánh trực thuộc của Công ty do HĐQT quyết định.
6. TGD là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại các địa bàn để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

## **CHƯƠNG IV MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành nghề và lĩnh vực hoạt động :

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	<b>Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao</b> Chi tiết: Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi (không sản xuất tại trụ sở).	2394
2	<b>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</b> Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ xi măng, các sản phẩm từ thạch cao (không sản xuất tại trụ sở).	2395
3	<b>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</b> Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ vôi, vật liệu xây dựng (gạch ngói, vữa xây tô, bê tông ), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).	3290

4	<b>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</b> Chi tiết: Mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi, thạch cao, cát đá sỏi	4663
5	<b>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.</b> Chi tiết: Mua bán phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng.	4669
6	<b>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</b> Chi tiết: sản xuất khai thác cát đá sỏi (không sản xuất tại trụ sở).	0810
7	<b>Xây dựng nhà các loại.</b> Chi tiết: Xây dựng dân dụng	4100
8	<b>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</b> Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (cao ốc, văn phòng cho thuê).	6810
9	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.</b> Chi tiết: Dịch vụ bến cảng, dịch vụ bốc xếp hàng hóa.	5229
10	<b>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.</b> Chi tiết: Cho thuê kho bãi	5210
11	<b>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.</b> Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.	4933
12	<b>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.</b> Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.	5022
13	<b>Vận tải hàng hóa đường sắt.</b> Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sắt.	4912
14	<b>Trồng rừng và chăm sóc rừng.</b> Chi tiết: Trồng: Rừng trồng, cây công nghiệp.	0210
15	<b>Khai thác gỗ</b> Chi tiết: Khai thác: Rừng trồng, cây công nghiệp	0221
16	<b>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.</b> Chi tiết: Chế biến gỗ (không chế biến tại trụ sở).	1629
17	<b>Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.</b> Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản (không khai thác, chế biến tại trụ sở Công ty).	0899
18	<b>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.</b> Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp,	4390
19	<b>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.</b> Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT).	4210
20	<b>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.</b> Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
21	<b>Sửa chữa máy móc, thiết bị.</b> Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312

22	<b>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.</b> Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4290
23	<b>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.</b> Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24	<b>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.</b> Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
25	<b>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.</b> Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
26	<b>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.</b> Chi tiết: Quản lý dự án đầu tư xây dựng.	7110
27	<b>Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3821
28	<b>Thu gom rác thải không độc hại</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3811
29	<b>Thu gom rác thải độc hại</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3812
30	<b>Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3822
31	<b>Tái chế phế liệu</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3830
32	<b>Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác</b> (không hoạt động tại trụ sở chính Công ty)	3900

Kinh doanh các ngành nghề khác mà luật pháp không cấm.

- Công ty được huy động và sử dụng mọi nguồn vốn hợp pháp trong sản xuất kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh theo quy định của pháp luật.
- Việc điều chỉnh, thay đổi mục tiêu kinh doanh nhất thiết phải được ĐHĐCĐ thông qua và được sự chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

- Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành những ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà HĐQT xét thấy có lợi cho Công ty.

## CHƯƠNG V VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu

#### 1. Vốn điều lệ

- 1.1. Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ và bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là tiền đồng Việt Nam.
- 1.2. Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại được xác định là 3.180.000.000.000 tỷ đồng (Bằng chữ: Ba ngàn một trăm tám mươi tỷ đồng), được chia thành 318.000.000 triệu cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.
- 1.3. Việc tăng giảm Vốn điều lệ của Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 1.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 1.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.

#### 2. Cổ phần

- 2.1. Đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:
  - \* Người lao động trong doanh nghiệp.
  - \* Nhà đầu tư chiến lược.
  - \* Các nhà đầu tư khác.
- 2.2. Cơ cấu cổ phần lần đầu:
  - \* Cổ phần Nhà nước nắm giữ.
  - \* Cổ phần có giá ưu đãi bán cho người lao động trong Công ty.
  - \* Cổ phần có giá ưu đãi bán cho nhà đầu tư chiến lược.
  - \* Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác trên thị trường.
- 2.3. Tất cả cổ phần của Công ty phát hành lần đầu là cổ phần phổ thông (kể cả cổ phần có giá ưu đãi cho người lao động trong Công ty và nhà đầu tư chiến lược). Các quyền và nghĩa vụ của từng loại cổ phần được quy định trong Điều lệ này.
- 2.4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- 2.5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ



- phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 2.6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Cổ phiếu
- 3.1. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm cổ phiếu có ghi tên (cổ phiếu ghi danh) và cổ phiếu không ghi tên (cổ phiếu vô danh).
- 3.2. Cổ phiếu ghi danh:
- 3.2.1. Là cổ phiếu thuộc chủ sở hữu Nhà nước, các thành viên HĐQT.
- 3.2.2. Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu.
- 3.2.3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và quy định hiện hành của pháp luật.
- 3.3. Cổ phiếu vô danh:
- 3.3.1. Là cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là đối tượng được quy định tại khoản 3.2 Điều này;
- 3.3.2. Là cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng Vốn điều lệ;
- 3.3.3. Là cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu ứng với số tiền đã mua theo từng loại cổ phiếu (trừ trường hợp ghi tại khoản 7 Điều này). Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Chứng chỉ này nói rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Theo quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu trong vòng hai tháng sau khi mua (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định), hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) nhận chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh hợp lệ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành ở dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm, HĐQT có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 9. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - 1.1. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - 1.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
  - 1.3. Các trường hợp mà HĐQT xét thấy là có lợi cho Công ty và được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên

chuyển nhượng và bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Trong vòng 15 ngày trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên, Công ty không tiến hành đăng ký cổ phiếu cho bất cứ cổ đông nào kể cả đã được thoả thuận chuyển nhượng.
6. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi thông báo cho cổ đông đó để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi tới người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực bởi lý do bỏ sót hay bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

## **Điều 11. Cơ cấu tổ chức và quản lý**

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền hạn của cổ đông Công ty**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :
  - 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
  - 2.2. Được nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ.
  - 2.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác đi.
  - 2.4. Được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
  - 2.5. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ; Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
  - 2.6. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
  - 2.7. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
  - 2.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.
  - 2.9. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có các quyền sau:
    - 2.9.1. Đề cử người vào HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25.3 và 36.3;
    - 2.9.2. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ;

- 2.9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
  - 2.9.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
  - 2.9.5. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 2.10. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược có các quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông, ngoại trừ việc tự do chuyển nhượng cổ phiếu nêu tại mục 2.7 của Điều này.
  4. Quyền của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.
  5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi, cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của các cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của HĐQT và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau :
  - 5.1. Vi phạm pháp luật;
  - 5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - 5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn

- tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
  3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau :
    - 3.1. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy.
    - 3.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn điều lệ đã bị mất một nửa.
    - 3.3. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên của pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.
    - 3.4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại mục 2.9 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
    - 3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Người quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
    - 3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  4. Cách thức triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:
    - 4.1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại mục 3.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định nêu tại mục 3.4 hoặc mục 3.5 Điều này.
    - 4.2. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên theo quy định tại mục 4.1 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát sẽ phải thay thế HĐQT để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
    - 4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại mục 4.2 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại mục 3.4 Điều này có thể triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 4.4. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
  - 2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.
  - 2.2. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
  - 2.3. Số lượng thành viên của HĐQT.
  - 2.4. Lựa chọn công ty kiểm toán.
  - 2.5. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
  - 2.6. Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao thực chi của HĐQT, Ban Kiểm soát.
  - 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
  - 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
  - 2.9. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
  - 2.10. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
  - 2.11. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
  - 2.12. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
  - 2.13. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (đã được kiểm toán) của công ty.
  - 2.14. Quyết định mua lại hơn mười phần trăm (10%) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành của Công ty.
  - 2.15. Việc TGD điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT.
  - 2.16. Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- 2.17. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua những vấn đề sau:
  - 3.1. Các hợp đồng quy định tại Điều 15.2 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
  - 3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người liên quan nào của cổ đông đó.
4. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

#### **Điều 16. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự kỳ họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của Điều lệ này và phù hợp với pháp luật.
2. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu mà HĐQT chấp thuận, và phải có chữ ký theo các quy định sau đây :
  - 2.1. Trường hợp bên ủy quyền là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - 2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - 2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
  - 4.1. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - 4.2. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - 4.3. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
5. Người được ủy quyền không được tự ứng cử với tư cách cá nhân.



## **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nếu tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại Điều 19 và Điều 21, ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo**

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14, mục 4.2 hoặc 4.3 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây :
  - 2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
  - 2.2. Xác định thời gian và địa điểm tiến hành đại hội;

- 2.3. Thông báo và gửi thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 2.4. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 2.5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp :
  - 3.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường được lập trên cơ sở Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này phải được lập xong chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.
  - 3.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
  - 3.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông quy định tại Điều 12, mục 2.9 của Điều lệ này được quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp.
  - 3.4 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.
4. Thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp ĐHĐCĐ công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) và phải được công bố trên Website Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12, mục 2.9 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải

- bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6 Điều này nếu :
    - 6.1. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không chứa đủ các thông tin cần thiết.
    - 6.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề xuất không đủ điều kiện nắm giữ ít nhất là 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên.
    - 6.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.
  7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị rõ nội dung và dự thảo một nghị quyết.
  8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Trong ĐHĐCĐ triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

#### **Điều 20. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ, sẽ được chủ

toạ thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
4. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì HĐQT cử một thành viên HĐQT chủ trì (nếu có Phó Chủ tịch thì Phó Chủ tịch chủ trì). Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ toạ của ĐHĐCĐ, Chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ toạ được bầu của đại hội đề cử Thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ toạ, tên Chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ toạ phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Không cần lấy ý kiến của các cổ đông dự họp, bất cứ lúc nào Chủ toạ ĐHĐCĐ cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định nếu nhận thấy rằng :
  - 6.1. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.
  - 6.2. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
  - 6.3. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của ĐHĐCĐ được tiến hành một cách hợp lệ.
  - 6.4. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ toạ ĐHĐCĐ có thể hoãn đại hội.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 6 Điều này, ĐHĐCĐ bầu ra một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà HĐQT cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, HĐQT có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất bất kỳ cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền nào không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.
10. HĐQT có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

- 10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
  - 10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - 10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).
- HĐQT có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 10 nêu trên, khi xác định địa điểm đại hội, HĐQT có thể :
    - 11.1. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
    - 11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
  12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông cho dù tham dự đại hội theo phương thức quy định tại Mục 11.2 nêu trên sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm, Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## **Điều 21. Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ :
  - 1.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - 1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
  - 1.3. Báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
  - 1.4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ chấp thuận;
  - 1.5. Các nghị quyết khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế (thẻ lộn) bầu cử.

**Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ sau:
  - 2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.
  - 2.2. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
  - 2.3. Số lượng thành viên của HĐQT.
  - 2.4. Lựa chọn công ty kiểm toán.
  - 2.5. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
  - 2.6. Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao thực chi của HĐQT, Ban Kiểm soát.
  - 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
  - 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần (tăng vốn điều lệ).
  - 2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
  - 2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
  - 2.11. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
  - 2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (đã được kiểm toán) của công ty.
  - 2.13. Quyết định mua lại hơn mười phần trăm (10%) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành của Công ty.
  - 2.14. Việc TGDĐ điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT.
  - 2.15. Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
3. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản :
  - 3.1. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
  - 3.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
    - 3.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
    - 3.2.2. Mục đích lấy ý kiến;

- 3.2.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - 3.2.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - 3.2.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - 3.2.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - 3.2.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
  5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của 03 cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
    - 5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
    - 5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
    - 5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
    - 5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
    - 5.5. Các quyết định đã được thông qua;
    - 5.6. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của Người giám sát kiểm phiếu.Các thành viên HĐQT và Người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
  6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
  7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu tại trụ sở chính của Công ty.
  8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 2.9 khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT**

1. HĐQT có số lượng thành viên là 09 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Mỗi thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT



Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

- 2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
  - 2.2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty; hoặc được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên đề cử.
  - 2.3. Theo điểm (d) khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
3. Quyền ứng cử và đề cử thành viên HĐQT
- 3.1. Các thành viên của HĐQT do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT.
  - 3.2. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tiếp trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT.
  - 3.3. Cổ đông sở hữu ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu tháng liên tục trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên HĐQT.
  - 3.4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
  - 3.5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- 4.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT.
  - 4.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
  - 4.3. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- 4.4. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 4.5. Thành viên đó Có đơn từ chức hoặc bị cách chức thành viên HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 5 trên đây phải được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán (và trên trang Web của Công ty) trong vòng 05 ngày kể từ sau khi bổ nhiệm.
7. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chi phối thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.  
Các thành viên HĐQT không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động điều hành của TGD và các Cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :
  - 3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn và ngân sách hàng năm của Công ty.
  - 3.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
  - 3.3. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
  - 3.4. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó.
  - 3.5. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
  - 3.6. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.

- 3.7. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.
- 3.8. Bổ nhiệm, cử, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý chủ chốt hoặc người đại diện của Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.
- 3.9. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; chỉ đạo việc chi trả cổ tức.
- 3.10. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- 3.11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản lý Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn :
  - 4.1. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - 4.2. Việc thành lập các công ty con của Công ty;
  - 4.3. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh của Công ty trừ trường hợp được quy định tại Điều 162.3 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn;
  - 4.4. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - 4.5. Việc đình chỉ và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty.
  - 4.6. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty có giá trị vượt quá 10% ngân sách kinh doanh hàng năm.
  - 4.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - 4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - 4.9. Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) cổ phần theo từng loại của Công ty;
  - 4.10. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
  - 4.11. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 26 này.
5. Những vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhưng đòi hỏi phải có những biện pháp đáp ứng kịp thời, không đủ thời gian để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thì :
  - 5.1. HĐQT được phép quyết định với điều kiện tối thiểu 70% thành viên HĐQT đồng ý.
  - 5.2. HĐQT phải báo cáo tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.
6. HĐQT phải báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với TGD và những Cán bộ quản lý khác do mình bổ nhiệm trong năm tài chính.

Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

7. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt Công ty trừ khi pháp luật và Điều lệ có quy định khác.
8. Các thành viên HĐQT (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
9. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
10. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
11. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

## **Điều 27. Chủ tịch và thành viên HĐQT**

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và trách nhiệm sau đây :
  - 2.1. Triệu tập và chủ tọa ĐHCĐ và các cuộc họp HĐQT.
  - 2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
  - 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT.
  - 2.4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - 2.5. Các quyền và trách nhiệm khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
  - 2.6. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm bảo đảm việc HĐQT gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHCĐ.
3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ vì bất kỳ lý do nào đó thì thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền sẽ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Khi Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào đó thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy

quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch HĐQT phải lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :
  - 3.1. TGD hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;
  - 3.2. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - 3.3. Chủ tịch HĐQT;
  - 3.4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên.
  - 3.5. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.
4. Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong vòng bảy ngày (07) ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28 khoản 3 nêu trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
5. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT năm (05) ngày trước khi tổ chức. Các thành viên HĐQT có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản trước 02 ngày, việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp HĐQT phải được làm bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.  
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy ngày (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Quyền biểu quyết :
  - 9.1. Trừ quy định tại mục 9.2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
  - 9.2. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào thành viên đó không có quyền biểu quyết.
  - 9.3. Theo quy định tại khoản 9.4 Điều này, trong một cuộc họp của HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
  - 9.4. Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại mục 4.1, 4.2 khoản 4 điều 34 Điều lệ sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết: HĐQT sẽ thông qua các nghị quyết và/hoặc có quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) số thành viên HĐQT có mặt hoặc biểu quyết thông qua văn bản. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch HĐQT thì cho Thư ký không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể :

13.1. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

13.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết luân chuyển bằng văn bản: nghị quyết luân chuyển bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên HĐQT sau đây :

14.1. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT;

14.2. Số lượng những thành viên biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Quy định khác về Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

16. Những người được mời họp dự thính: TGD, những Cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

17. Các tiểu ban Hội đồng quản trị: HĐQT có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều người khác ở ngoài HĐQT nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định

này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban, nhưng :

- 17.1. Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;
  - 17.2. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
18. Giá trị pháp lý của hành động: mọi hành động được thực hiện theo nghị quyết HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

## **CHƯƠNG IX**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm dưới sự lãnh đạo của HĐQT.
2. Công ty có một TGD, có thể có một số Phó TGD và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. TGD và các Phó TGD nếu có có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 30. Cán bộ quản lý**

1. Được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các Cán bộ quản lý chủ chốt sẽ phải do HĐQT quyết định. Hợp đồng của những Cán bộ quản lý khác sẽ do TGD quyết định.

#### **Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo cho ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: nhiệm kỳ của TGD là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: TGD có những quyền hạn và trách nhiệm sau :



- 3.1. Là đại diện theo pháp luật của Công ty.
  - 3.2. Xây dựng và trình HĐQT chiến lược dài hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty.
  - 3.3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
  - 3.4. Quyết định tất cả các vấn đề (mà vấn đề đó không cần phải có quyết nghị của ĐHĐCĐ và HĐQT) bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
  - 3.5. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT.
  - 3.6. Kiến nghị về số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT thông qua, nhằm thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu tổ chức quản lý thích hợp, đồng thời quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý do mình bổ nhiệm, trong khuôn khổ được HĐQT chấp thuận.
  - 3.7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Cán bộ quản lý, trừ các chức danh do HĐQT quyết định.
  - 3.8. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
  - 3.9. Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
  - 3.10. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo định hướng và ngân sách dài hạn và hàng năm. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải phù hợp với những quy định tại các quy chế của Công ty.
  - 3.11. Báo cáo HĐQT tình hình hoạt động và kết quả SXKD của Công ty.
  - 3.12. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động và pháp luật.
  - 3.13. Kiến nghị, từ chối thực hiện các nghị quyết của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ, trái với nghị quyết của ĐHĐCĐ và có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.
  - 3.14. Vào tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
  - 3.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo HĐQT và các cổ đông: TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được

yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

### **Điều 32. Thư ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm :
  - 2.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - 2.2. Làm biên bản các cuộc họp;
  - 2.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - 2.4. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT, công bố quyết nghị HĐQT của Chủ tịch HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - 2.5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT và / hoặc TGD giao.

## **CHƯƠNG X NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

### **Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, TGD và Cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với

lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - 4.1. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - 4.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
  - 4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Thành viên HĐQT, TGD, một Cán bộ quản lý hay Người liên quan nào của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 35. Trách nhiệm và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do

- hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
    - 2.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
    - 2.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình;
    - 2.3. Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty;
    - 2.4. Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
  3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát gồm 05 thành viên, các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:
  - 1.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát.
  - 1.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát và để thực hiện trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- 1.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
2. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:
  - 2.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
  - 2.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
  - 2.3. Là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
  - 2.4. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
  - 2.5. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 06 tháng liên tục trở lên đề cử.
  - 2.6. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
3. Đề cử thành viên Ban kiểm soát :
  - 3.1. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 6 tháng liên tiếp trở lên, có quyền đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
  - 3.2. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 6 tháng liên tục trở lên, có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
  - 3.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bổ nhiệm có nhiệm kỳ tối đa là 05 năm và có thể được bầu lại vào kỳ ĐHĐCĐ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Một thành viên Ban kiểm soát bị Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
  - 5.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Điều lệ này.
  - 5.2. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- 5.3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- 5.4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- 5.5. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng vị trí của người đó bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 5.6. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 5.7. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- 5.8. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 5.9. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông..

### **Điều 37. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - 1.1. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm công ty kiểm toán độc lập.
  - 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
  - 1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
  - 1.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
  - 1.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập đề nghị.
  - 1.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.
  - 1.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận, kết luận và báo cáo trước ĐHĐCĐ.
  - 1.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý, Cán bộ quản lý.
  - 1.9. Các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên của HĐQT, TGD và Cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và bảo đảm rằng các

bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

3. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát phục vụ cho hoạt động của Công ty.
4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

## **CHƯƠNG XII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 25 khoản 3 và Điều 36 khoản 3 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản được yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được đưa lên Website của Công ty.

## **CHƯƠNG XIII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TẠI CÔNG TY**

### **Điều 39. Công nhân viên và các tổ chức đoàn thể tại Công ty**

1. Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện hoạt động của các tổ chức này đúng chức năng, nhiệm vụ, quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
3. TGD phải đề xuất, xây dựng quy chế, lập chương trình kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIV PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 40. Cổ tức**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi có lợi nhuận ròng và bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
2. Mức trả cổ tức được thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ. HĐQT có thể quyết định chi trả cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ



đồng cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký. Ngoài những hình thức nêu trên, HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được pháp luật Việt Nam thừa nhận và cho phép hoạt động.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

#### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

#### **Điều 45. Hệ thống Kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **CHƯƠNG XVI BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng, hàng quý**

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo này phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, báo cáo kế toán hàng năm sẽ được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Báo cáo kế toán hàng năm bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty liên kết, công ty con (nếu có) vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung

ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được đưa lên Website Công ty.

5. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây:
  - a) Điều lệ công ty;
  - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
  - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## CHƯƠNG XVIII CON DẤU

### Điều 49. Con dấu

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc và đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - 1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - 1.2. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - 1.3. Giải thể theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - 1.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được gửi lên cơ quan có thẩm quyền để xin chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận là bắt buộc.

### Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ trên 50% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty chiếu theo một hay một số các căn cứ sau :

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 52. Gia hạn hoạt động**

1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời gian hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

### **Điều 53. Thanh lý**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :
  - 3.1. Thanh toán hết các chi phí thanh lý;
  - 3.2. Tiền lương, các khoản phụ cấp và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
  - 3.3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
  - 3.4. Các khoản vay (nếu có);
  - 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa các đối tượng sau :
  - \* Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
  - \* Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, TGD hay Cán bộ quản lý,

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

- 1.1. Nếu tranh chấp không liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- 1.2. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, trong vòng 30 ngày các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập để thực hiện giải quyết tranh chấp với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần kể từ thời điểm bắt đầu quá trình hòa giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của toà án sẽ do toà phán quyết.

## **CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được HĐQT trình và ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XXII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 56. Điều kiện chính thức hoạt động của Công ty**

Công ty được chính thức hoạt động khi ĐHĐCĐ thành lập đã thực hiện đầy đủ các thủ tục sau :

1. Đã bầu được HĐQT, Ban kiểm soát và HĐQT bổ nhiệm xong TGD.
2. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thống nhất toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ.
3. Đã giao quyền quản trị Công ty cho HĐQT.
4. Hoàn tất các thủ tục thành lập Công ty với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Điều lệ này bao gồm 22 Chương 58 Điều và 1 phụ lục, được Đại hội cổ đông hợp nhất Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thống nhất thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung tại các kỳ ĐHĐCĐ và cùng nhau chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lập thành 10 bản có giá trị như nhau và được lưu trữ tại văn phòng Công ty. Điều lệ này được đăng ký với các cơ quan Nhà nước



theo quy định của pháp luật.

**Điều 58. Chữ ký thông qua của Điều lệ**

Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XI MĂNG  
HÀ TIÊN 1  
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH  
NGUYỄN TUẤN ANH